TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TB** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHU NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS- ST
Ngày: 20/01/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phùng Văn Thị
2. Ông Kiều Công Ích.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Đình Hoà- Thư ký của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 54/2024/TLST- HS ngày 13 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST- HS, ngày 27 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 02/2025/HSST- QĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Vũ Trọng T- sinh ngày 13 tháng 8 năm 1996 tại thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Xóm Đ1, xã M, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Trọng Ph, sinh năm 1971 và bà Vũ Thị S, sinh năm 1975; có vợ là Mạc Hồng H, sinh năm 2000 và 02 con (lớn sinh năm 2022, nhỏ sinh ngày 04/5/2024.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 126/HSST Ngày 12/8/2016, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử phạt Vũ Trọng T 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "Trộm cắp tài sản", phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Vũ Trọng T đã nộp xong án phí ngày 29/9/2016, chấp hành xong thời gian thử thách của án treo ngày 12/8/2017 (đã được xoá án tích).

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ 10 giờ 05 phút ngày 31/7/2024 đến 10 giờ 05 phút ngày 09/8/2024; bị tạm giam từ ngày 09/8/2024 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Phùng Thị L, sinh năm 1987
Trú tại: Khu 6, xã Đ, huyện TB, tỉnh Phú Thọ.
2. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1998
Trú tại: Thôn Th, xã T1, huyện G, tỉnh Bắc Giang.
Nơi ở hiện tại: Thôn H2, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

(Các bị hại đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/07/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện TB, tỉnh Phú Thọ tiếp nhận đơn tố giác về tội phạm của chị Phùng Thị L, sinh năm 1987, trú tại khu 6, xã Đ, huyện TB, tỉnh Phú Thọ tố cáo Vũ Trọng T, sinh năm 1996, nhà ở xã M, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh có hành vi lừa đảo xuất khẩu lao động sau đó chiếm đoạt tổng số tiền 28.350.000đ.

Cơ quan CSĐT Công an huyện TB, tỉnh Phú Thọ đã xác minh làm rõ người thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Phùng Thị L là Vũ Trọng T, sinh năm 1996, thường trú tại xóm Đ1, xã M, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình làm việc, T khai nhận: Ngoài hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền đặt cọc của chị Phùng Thị L, T còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền cọc đi xuất khẩu lao động của chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1998, thường trú tại thôn Th, xã T1, huyện G, tỉnh Bắc Giang; Nơi ở hiện tại thôn H2, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang, với tổng số tiền là 191.934.500đ, cụ thể như sau:

Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tiền cọc của chị Phùng Thị L:

Do không có việc làm và thu nhập cá nhân, để có tiền tiêu sài cho bản thân và trước đó Vũ Trọng T cũng đã từng làm trong lĩnh vực môi giới người đi xuất khẩu lao động nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. T sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone 13, màu xanh, gắn sim số thuê bao 0339.892.xxx vào mạng xã hội Facebook, tài khoản Facebook của T là "Vũ Trọng T", mua một tài khoản Facebook giả có tên đăng nhập là "Trần Văn Nam". Sau đó, T đăng nhập vào tài khoản Facebook "Trần Văn Nam" để vào các hội nhóm trên mạng xã hội Facebook tìm những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động Đài Loan với mục đích chiếm đoạt tiền đặt cọc của những người này.

Khoảng đầu tháng 01/2024, khi T cùng vợ là Mạc Hồng H sinh sống tại khu vực phường TM, thành phố Hà Nội, sau đó thuê trọ tại phòng 501, Diamond Motel, địa chỉ tại số 3, ngõ 28/5, phố D, phường MD, quận C1, thành phố Hà Nội, T sử dụng tài khoản Facebook *"Trần Văn N"* vào các hội nhóm về xuất khẩu lao động thì thấy có tài khoản Facebook *"Thanh L Thanh L"* của chị Phùng Thị L, sinh năm 1987, trú tại khu 6, xã Đ, huyện TB, tỉnh Phú Thọ bình luận vào một bài viết trên hội nhóm *"XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG ĐÀI LOAN 24/24"*. Lúc này T nghĩ chị L muốn đi xuất khẩu lao động Đài Loan nên T đã nảy sinh ý định giả làm người môi giới để chiếm đoạt tài sản của chị L. T sử dụng Facebook giả mang tên *"Trần Văn N"* nhắn tin qua ứng dụng Messenger đến Facebook của chị L. T giới thiệu là tên Trần Văn N, quê ở Hải Dương, làm công việc môi giới xuất khẩu lao động tại Đài Loan và có mời chào chị L tham gia đơn hàng (công việc) xuất khẩu lao động Đài Loan của bên T. Sau đó, qua nói chuyện, T giới thiệu đơn hàng (công việc) xuất khẩu lao động theo đúng yêu cầu của chị L với mức giá là 1.400$ (Một nghìn bốn trăm đô la Mỹ) và mức lương chị L sẽ được thụ hưởng hàng tháng vào

khoảng 20.000.000đ /01 tháng, hợp đồng lao động kéo dài 03 năm. Chị L đồng ý và có hẹn gặp T để xác minh, rồi mới nộp tiền. Do T không làm cho bất kỳ công ty môi giới xuất khẩu lao động nào nên T nhắn tin cho chị Dương Thị P, sinh năm 1988, trú tại xóm 4, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An là nhân viên Công ty TMCP đầu tư, phát triển dịch vụ quốc tế X có địa chỉ tại Toà nhà Inchacom tầng 11, số 33 Cầu D, phường PD, quận BTL, thành phố Hà Nội (là người T quen trên Facebook, chị P là nhân viên môi giới đưa người đi lao động tại nước ngoài) qua tài khoản Facebook có tên "Trần Văn N" với nội dung: *"Chị ơi, em có lao động cần đi đơn hàng giúp việc ở Đài Loan, chị có đơn hàng thì gửi cho em"*. Sau đó, chị P có gửi cho T một đơn hàng làm giúp việc nên T đồng ý luôn (mục đích T đồng ý ngay là để lấy được địa chỉ cụ thể của Công ty, tạo niềm tin với chị L để chị L nộp tiền đặt cọc, sau đó T sẽ chiếm đoạt tiền của chị L) và hỏi chị P địa chỉ của Công ty để T đưa người đến. Chị P nhắn tin cho T địa chỉ Công ty là Toà nhà Inchacom tầng 11, số 33 CD, phường PD, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi có địa chỉ của Công ty môi giới, T nhắn tin và gửi địa chỉ để hẹn gặp chị L tại Toà nhà Inchacom tầng 11, số 33, đường CD, phường PD, quận B, thành phố Hà Nội như chị P đã nhắn tin cho T, để tạo lòng tin với chị L.

Đến khoảng 08 giờ 00 ngày 11/01/2024, T một mình đến địa chỉ Toà nhà Inchacom, số 33 Cầu D, phường PD, quận BTL,thành phố Hà Nội thì nhận được điện thoại của chị P gọi đến số thuê bao điện thoại của T là 0339.892.xxx. Nội dung chị P hỏi: *"Em đã đến chưa?"*. T nói: *"Em đến rồi"*. Chị P nói: *"Hôm nay chị đi công tác không có ở văn phòng thì chị cho em số của bạn nhân viên của chị, em gọi cho bạn ý để bạn ý hướng dẫn khai Fom cho lao động"*. T nói: *"Vâng"*. Sau đó, T và chị P không nói chuyện nữa, chị P gửi cho T số điện thoại của Nguyễn Thị H3, sinh năm 1991, trú tại thôn PD1, xã Q, huyện GB, tỉnh Bắc Ninh (là nhân viên Công ty TMCP đầu tư, phát triển dịch vụ quốc tế X) qua tin nhắn SMS. Sau đó T gọi điện thoại vào số thuê bao điện thoại mà chị P cho nhưng không thấy nghe máy. Khoảng 10 phút sau, T gặp chị L ở sảnh tầng 1, Toà nhà Inchacom, tại đây T và chị L có trao đổi, nói chuyện với nhau, T có nói với chị L về việc T sẽ đưa chị L lên tầng 11 của tòa nhà Inchacom (mục đích để chị L biết Công ty, tạo lòng tin với chị L). Khoảng 5- 10 phút sau, T gọi lại vào số thuê bao điện thoại của chị H3 thì thấy chị H3 nghe máy, chị H3 bảo T đi lên tầng 11 của tòa nhà Inchacom. T và chị L cùng nhau đi lên tầng 11, khi lên đến nơi, T và chị L gặp chị H3 là nhân viên của Công ty, T có nói với chị H3: *"Chị P bảo em dẫn lao động lên đây gặp chị để khai Fom"*, chị H3 hướng dẫn chị L khai Fom (thông tin cá nhân). Sau khi khai xong, T và chị L cùng nhau xuống tầng 1 của tòa nhà (Bản chất việc khai Fom này chỉ là để T tạo niềm tin cho chị L). Sau đó, T và chị L cùng nhau đi ăn sáng. Trong khi ngồi ăn sáng với nhau, chị L có hỏi T: *"Tại sao em không giống trong ảnh"*, T hiểu ý chị L muốn hỏi ảnh đại diện Facebook "Trần Văn Nam" không giống với T ngoài đời. T nói dối với chị L tài khoản Facebook "Trần Văn N" là nhân viên của T. Chị L có hỏi tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của T thì T nói tên là Vũ Trọng T, sinh năm 1996 ,nhà ở xã M, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. T cho chị L xem Facebook thật của T rồi kết bạn, tài khoản Facebook của T là "Vũ Trọng T", hình ảnh đại diện là ảnh vợ và con gái T. Sau khi kiểm tra, xem Facebook của T, chị L không thắc mắc, nghi ngờ gì nữa. Sau khi tạo được niềm tin với chị L, T có nói với chị L nếu làm theo đơn gói hàng (công việc) với giá tiền là 1.400$ tương

đương khoảng 36.000.000đ thì đến ngày 15/02/2024 sẽ xong thủ tục và visa để đi xuất khẩu lao động giúp việc tại Đài Loan, chị L đồng ý. T yêu cầu chị L thanh toán trước số tiền 2.850.000đ, tiền cọc đơn tuyển hợp đồng xuất khẩu lao động. Chị L đồng ý và chuyển khoản số tiền 2.850.000đ từ số tài khoản 2564580119 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV mang tên "PHUNG THI L" đến số tài khoản 25610001995370 mở tại Ngân hàng TMCP phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV, mang tên "VU TRONG T" của T, T đã nhận được số tiền này. Lúc này, T có nói với chị L về việc để ý điện thoại, sẽ có người của Công ty gọi để phỏng vấn. Sau đó, chị L ra về. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, chị H3 đề nghị T cho số điện thoại để kết bạn, liên lạc trực tiếp với chị L nhưng T không cho.

Đến ngày 12/01/2024, chị L có gọi điện cho T để hỏi: *"Sao không thấy ai gọi điện thế em?",* T nói dối: "*Fom của chị được tuyển thẳng chủ nhận rồi, không cần phải phỏng vấn đâu"*. Lúc này, T yêu cầu chị L nộp cọc 1.000$ (Một nghìn đô la Mỹ) tương ứng với số tiền khoảng 25.000.000đ và chuyển khoản cho T để làm thủ tục xuất khẩu lao động. Chị L đồng ý và sử dụng số tài khoản 2564580119 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV mang tên PHUNG THI L chuyển khoản đến số tài khoản 25610001995370 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV của T số tiền 25.000.000đ. T có gọi điện thông báo cho chị L là đã nhận đủ 25.000.000đ và nói dối hứa hẹn khi nào làm xong thủ tục Visa thì chị L sẽ phải thanh toán nốt số tiền 400$ *(Bốn trăm đô la Mỹ)* còn lại. Thời gian sau đó, T đã chi tiêu cá nhân hết số tiền mà chị L đã chuyển đặt cọc nên nảy sinh ý định muốn chiếm đoạt thêm tiền của chị L để lấy tiền tiêu xài. Khoảng 3 - 4 ngày sau, T nhắn tin cho chị L để yêu cầu chị L đóng tiền cọc thêm 1.000$ *(Một nghìn đô la Mỹ)* nữa thì mới làm Visa được nhưng chị L không đồng ý, T giảm tiền cọc xuống còn 500$ *(Năm trăm đô la Mỹ)* để chị L chuyển thêm tiền cho T nhưng chị L thấy nghi ngờ T lừa đảo để chiếm đoạt tiền nên chị L không đồng ý và yêu cầu hủy đơn hàng đi xuất khẩu lao động, yêu cầu T hoàn trả tiền cọc cho chị L nhưng T không trả.

Thời gian sau, chị L đã nhiều lần nhắn tin gọi điện cho T nhưng T có lần nghe máy lấy lý do là đang làm thủ tục hủy hợp đồng hoặc không nghe máy, không trả lời tin nhắn. Đến này 16/02/2024, T yêu cầu chị L chuyển khoản thêm cho T 500.000đ để làm nhanh thủ tục huỷ hợp đồng thì mới lấy lại được tiền, chị L đồng ý và đã chuyển khoản cho T 500.000đ từ số tài khoản 1019762264 mở tại Ngân hàng Vietcombank mang tên PHUNG THI L đến số tài khoản 2561995370 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV, chủ tài khoản là "VU TRONG T". Sau khi nhận được số tiền 500.000đ của chị L chuyển khoản, thời gian sau T không nhắn tin, gọi điện cho chị L nữa và cũng chặn toàn bộ Facebook, Messenger với chị L, nhằm chiếm đoạt tài sản là tiền cọc của chị L.

Sau đó, lo sợ chị L làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo của T đến Cơ quan chức năng nên T đã chủ động liên hệ, nhắn tin với chị L để xin số tài khoản Ngân hàng. T đã chuyển trả cho chị L tổng số tiền 15.000.000đ từ số tài khoản 25610001995370 mở tại Ngân hàng TMCPĐầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV, chủ tài khoản mang tên T là "VU TRONG T" đến số tài khoản 1019762264 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Vietcombank, chủ tài khoản mang tên "PHUNG THI L (T đã chuyển khoản 03 lần, mỗi lần 5.000.000đ vào ngày

15/5/2024; ngày 17/5/2024 và ngày 01/6/2024). Số tiền còn lại là 13.350.000đ, đến khi bị Cơ quan CSĐT Công an huyện TB triệu tập làm việc T vẫn chưa trả cho chị L.

Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tiền cọc của chị Nguyễn Thị H1:

Vào khoảng đầu tháng 4 năm 2024, để có tiền tiêu sài cho bản thân nên T tiếp tục nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. T bàn với vợ là Mạc Hồng H sinh năm 2000, trú tại xóm Đ1, xã M, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh đang ở thuê trọ tại phòng 501, Diamond Motel, địa chỉ tại số 3, ngõ 28/5, phố DK, phường MD, quận C, thành phố Hà Nội cùng thực hiện việc lừa đảo. Cụ thể T nói: "Vợ ơi, vợ chồng mình đăng đơn tuyển người đi lao động đi", khi thấy T nói vậy, H hỏi lại: "Đăng thế nào, em có làm bao giờ đâu mà biết", T nói: "Em cứ đăng bài viết đi, nếu có người liên hệ thì hỏi các thông tin của người có nhu cầu xuất khẩu lao động rồi trao đổi lại với anh, vợ chồng mình cùng làm". Do cả hai đều không làm công việc đưa người đi xuất khẩu lao động nên H hiểu ý của T nói như vậy nghĩa là H sẽ cùng T lừa đăng các bài viết về môi giới người đi xuất khẩu lao động lên mạng xã hội Facebook, nếu có ai vào bình luận hoặc đặt vấn đề muốn đi xuất khẩu lao động thì H sẽ chuyển lại các thông tin người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cho T làm, đồng thời yêu cầu người đó đặt cọc tiền để chiếm đoạt tiền của họ, H đồng ý.Thời gian sau đó, H có copy một số bài viết liên quan đến việc tuyển người đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan trên mạng xã hội Facebook và đăng lên tài khoản Facebook cá nhân của H có Nick là "Hồng H".

Sau đó, ngày 01/4/2024, H nhận được tin nhắn qua ứng dụng Messenger của chị Nguyễn Minh H4, sinh năm 2001, nhà ở huyện N, tỉnh Bắc Giang (hiện H4 đang là du học sinh tại Đài Loan, là chị họ của H1), tài khoản Facebook của H là "Hồng H", tài khoản Facebook của chị H4 là "Nguyễn Minh H4" chị H4 trao đổi với H về nội dung: *"Chị ơi, chị có đơn lao động Đài Loan nào ở Đài Nam cho nữ không?"*, H hiểu ý chị H4 đang muốn hỏi H về việc có công việc (đơn hàng) nào đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan không. Thấy vậy, H nhắn tin qua ứng dụng Zalo cho Vũ Trọng T để hỏi xem có đơn hàng nào cho nữ hay không, tài khoản Zalo của H là "Hồng H", tài khoản Zalo của T, H lưu dưới tên gợi nhớ là "Bố Em Sâu", thì T trả lời: *"Có"*. Sau đó, H nhắn tin trả lời chị H4: *"Có"*,H tiếp tục nhắn tin hỏi chị H4: "*Bạn ý bao nhiêu tuổi, chiều cao cân nặng thế nào?"*, chị H4 trả lời: *"Sinh năm 1998, chiều cao 1m50, cân thì 40-45 cân chị ạ"*,H nhắn: *"Bạn ý đang làm công việc gì? Có kinh nghiệm gì không?"* chị H4 nhắn: *"Đang làm điện tử, chị ấy xăm với cận thì có đi được không?"*, H trả lời: *"Xăm và cận thì vẫn đi bình thường"*. Khi chị H4 hỏi Công ty của H ở đâu thì H nói dối: *"Công ty chị ở 45 NKT, MD, C e ạ"* (H trao đổi những thông tin với chị H4 như vậy để tạo niềm tin cho chị H4 tin tưởng H là nhân viên môi giới người đi nước ngoài, thực chất H không làm cho Công ty có địa chỉ nêu trên mà địa chỉ này là do T nói với H). Sau đó, H và H4 nhắn tin qua lại với nhau, H có cho chị H4 số điện thoại của H là 0393.231.xxx để chị H4 tiện liên lạc và trao đổi công việc. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, H thấy có một tài khoản Zalo có tên hiển thị là "H1" kết bạn với tài khoản Zalo của H là "Hồng H", H đồng ý kết bạn. Sau đó, người này tự giới thiệu tên là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1998, nhà ở tỉnh Bắc Giang, là chị họ của

chị Nguyễn Minh H4. Quá trình nhắn tin nói chuyện với chị H1, H biết chị H1 đang có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Lúc này, T gửi cho H 02- 03 đơn hàng (công việc) đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau đó, H gửi các đơn hàng (công việc) cho chị H4 và chị H1 để chọn. Sau đó, chị H1 chọn được 02 đơn hàng (công việc) là đơn đi làm thực phẩm ở Đài Bắc và đơn làm linh kiện ô tô ở Đài Nam. H yêu cầu chị H1 chụp và gửi cho H mã QR trên ứng dụng LINE của H1 và gửi cho H qua ứng dụng Zalo và nói:*"Chị chờ nhé, sẽ có người của Công ty gọi điện để phỏng vấn"* (mục đích H nói như vậy để tạo lòng tin cho chị H1 là sẽ có người của Công ty sẽ gọi điện), chị H1 đồng ý và nói *"Vâng"*. Sau đó, H không nhắn tin với chị H1 nữa mà gửi hình ảnh mã QR trên ứng dụng LINE của chị H1 và số điện thoại của chị H1 cho T với mục đích để T trực tiếp liên hệ với chị H1.

Đến ngày 04/4/2024, T nhắn tin cho H qua ứng dụng Zalo với nội dung: *"Em nhắn tin cho H1 bảo nộp hai triệu rưỡi tiền đăng ký đơn hàng, làm thủ tục hồ sơ"*, H trả lời: *"Vâng"*.Sau đó, H có nhắn tin cho H1 yêu cầu H1 nộp tiền, chị H1 đồng ý và nhờ chị gái là Nguyễn Thị H5, sinh năm 1995, trú tại thôn HM, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang chuyển khoản số tiền 2.500.000đ từ số tài khoản 0109407249 mở tại Ngân hàng Đông Á, Chủ tài khoản mang tên NGUYEN THỊ H5 đến số tài khoản 0341007172745 mở tại Ngân hàng Vietcombank, Chủ tài khoản mang tên MAC HONG H. Đến khoảng 15 giờ 27 phút, ngày 08/4/2024, H có nhắn tin cho T qua ứng dụng Zalo với nội dung *"Mình kết bạn xong, báo kết quả trúng đơn cho nó"*, ý của H muốn nói với T là T kết bạn với chị Nguyễn Thị H1 theo mã QR Line mà H đã cung cấp. Sau đó, H tiếp tục nhắn tin cho T với nội dung *"Báo trúng đơn thực phẩm cho nó"*, ý của H là bảo T báo cho chị H1 biết là chị H1 đã trúng đơn thực phẩm đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Sau khi nhận được mã QR Line của chị H1, T có sử dụng điện thoại quét mã QR Line của chị H1 để kết bạn với chị H1. T có nhắn tin cho H với nội dung *"Kết bạn rồi bảo nó đồng ý đi"*; *"Đơn thực phẩm SK kia à?"*. Sau khi kết bạn thành công với chị H1, T có nhắn tin nói chuyện với chị H1 với nội dung *"Chào em"*, chị H1 nhắn lại *"Dạ"*, T hỏi *"Em là Nguyễn Thị H1 đúng không?"*, chị H1 trả lời *"Vâng ạ"*, T nhắn cho chị H1 với nội dung *"Anh là môi giới của đơn hàng thực phẩm SK"*, chị H1 nhắn lại *"Vâng ạ"*, T nhắn tiếp "*Anh nhắn để báo em đã trúng tuyển đơn hàng để em chuẩn bị giấy tờ"*, chị H1 nhắn lại *"Dạ , em cảm ơn ạ"; "Em sẽ chuẩn bị giấy tờ đầy đủ"*, T nhắn tiếp cho chị H1 *"Ok em. nếu tiến độ đơn có gì a sẽ báo em nhé"; "Em sắp xếp ra khám sức khỏe nha"*, chị H1 nhắn lại *"Trong tuần này là được đúng không ạ?"*, T nhắn lại *"Ok e"*, T nhắn tiếp cho chị H1 *"Lao động trúng tuyển cần nộp 1000USD để làm Visa vé đơn hàng"* ý T muốn nói với chị H1 là khi trúng tuyển đơn hàng chị H1 phải nộp tiền cọc là 1000 USD tương đương với số tiền 24.997.500 đồng. T tiếp tục hỏi chị H1 *"Cái này bạn H đã báo với em chưa?" (*ý của T muốn hỏi chị H1 là H đã thông báo cho chị H1 biết khi trúng đơn hàng chị H1 cần đóng số tiền 1000 USD, tương đương với số tiền 24.997.500 đồng). Chị H1 nhắn lại cho T với nội dung *"Dạ rồi ạ"*, T nhắn cho chị H1 *"Vậy em thu xếp nộp cho bạn ý để bên a tiến hành làm Visa vé đơn hàng nhé"; "Em thu xếp thứ tư hoặc thứ năm ra khám nhé"*, H1 trả lời *"Vâng ạ"*. Đến 15 giờ 56 phút cùng ngày H tiếp tục nhắn tin cho T với nội dung *"Người ta báo phí 6000 đấy"*, ý của H là H đã báo với chị H1 phí làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan là 6000 USD để T còn biết đường nói lừa chị H1 tránh bị mâu thuẫn.

Đến 13 giờ 29 phút, ngày 11/4/2024, H nhắn tin cho T với nội dung *"Con kia nó đến rồi đấy"* ý của H muốn nói với T là H1 đã đến địa điểm mà T và chị H1 đã hẹn nhau từ trước. Sau đó,T có nhắn tin cho H với nội dung *"Mẹ nó bảo tối mới chuyển khoản đấy"; "Nó bảo chị nó cầm số tài khoản kia"* ý của T nói với H là chị H1 chưa chuyển tiền cọc đơn hàng được với lý do là chị của H1 cầm tài khoản của H1. H nhắn "*Cố nói chuyện đi xem sao?"; "Mình đưa hồ sơ cho nó chưa"*, T trả lời *"Rồi"*, H nhắn *"Thế bảo đóng tiền thì đưa"*, ý H nói là khi nào chị H1 đóng tiền cọc thì mới đưa hồ sơ cho chị H1 để chị H1 kê khai, T nhắn lại *"Để tý nữa nói"*, H nhắn *"Thế bây giờ nó vào khám luôn à?"*, T trả lời *"Người ta đưa vào tận nơi"; "Xong người ta mới đi"* ý của T muốn nói với H là T đưa chị H1 vào Bệnh viện Đại học Quốc gia ở 108 LTV, quận TX, thành phố H Nội để khám sức khỏe, H nhắn *"Chẳng hiểu như nào để nó nói thế"*. Đến 15 giờ 19 phút cùng ngày H tiếp tục nhắn tin cho T với nội dung "*Chồng alo cho con kia chưa?"*, ý muốn hỏi T đã điện thoại cho chị H1 hỏi xem tình hình khám sức khỏe thế nào và giục chị H1 đóng tiền cọc đơn hàng, T nhắn lại *"Vừa gọi rồi"; "Nó bảo chiều nó nộp"*. ý của T muốn nói là đã gọi điện cho chị H1 và chị H1 nói chiều sẽ nộp tiền cọc, H trả lời *"Vâng"*. Đến 15 giờ 28 phút, cùng ngày T nhắn cho H*"Nếu nó nộp bảo nộp chẵn 25tr"* ý T bảo H nếu như chị H1 nộp tiền thì H bảo với chị H1 nộp 25.000.000 đồng. H có nhắn tin cho T một hình ảnh về tỷ giá đô la Mỹ quy đổi ra Việt Nam đồng tại thời điểm ngày 11/4/2024 và nói *"Gửi nó cái này rồi"*. Đến 15 giờ 51 phút cùng ngày, T nhắn tin cho H hỏi *"Con kia chuyển khoản chưa?"* ý của T là hỏi H xem chị H1 đã chuyển tiền cọc cho H chưa. Đến 15 giờ 53 phút, cùng ngày H nhắn tin cho T với nội dung *"Chuyển khoản rồi"*, ý là chị H1 đã chuyển tiền cọc với số tiền 24.997.500 đồng cho H. Vì vào lúc 15 giờ 53 phút cùng ngày chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1981, trú tại thôn H2, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang (sử dụng số tài khoản 4310213872 mở tại Ngân hàng BIDV chuyển 24.997.500 đồng vào tài khoản của H để nộp tiền thay cho chị H1). H tiếp tục nhắn *"Mừng rớt nc mắt)"*, T nhắn lại hỏi *"Con kia chuyển rồi hả?"* ý của T muốn hỏi là H đã nhận được tiền của chị H1 chuyển, H nhắn lại *"Con kia"*, T nhắn lại *"Bảo nó chuyển mà"*. Đến chiều ngày 11.4.2024, H về quê chồng ở xã M, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. Số tiền là 27.497.500đ chị H1 chuyển vào tài khoản của H, H đã sử dụng chi tiêu hết. Trong thời gian H vền nhà chồng ở xã M, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh để sinh đẻ H vẫn nhắn tin trao đổi với chị Nguyễn Minh H4 cụ thể như sau: Vào lúc 11 giờ 01 phút, ngày 29/5/2024 Nguyễn Minh H4 nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho H với nội dung "Bên Công ty hẹn chị em nay ra đóng vi từ đầu tháng mà nay đến hẹn chả thấy ai bảo gì; Nhắn tin cũng không ai trả lời; Sáng nay chị em điện mới bảo thôi hôm cần ra; Hôm nào có vi ra cả thể". H nhắn lại "Huhu bên đó hẹn tháng sáu rùi em ạ, khổ là giấy tòe chưa về em ạ; Để chị phản ánh Công ty; Thông cảm giúp chị nha, Có giấy tờ là ký luân đó em ạ; Ai cũng mong hết á". Đến ngày 18/6/2024 chị H4 tiếp tục nhắn cho H với nội dung "Chị ơi tình hình vi cảu chị em thế nào rồi ạ; Sao giờ gần cuối tháng sáu rồi vẫn chưa thấy gì hết vậy?", nhưng H không trả lời. Đến ngày 17/7/2024 chị H4 tiếp tục nhắn tin cho H với nội dung "Chị ơi bên công ty đang bắt cọc thêm 500 đô là sao vậy chị?; Sao hôm qua nữa thu thêm mười triệu tiền thẻ cư trú rồi hôm nay lại bắt cọc năm trăm đô là sao; Ngày kia bay rồi mà giờ lại bắt cọc", H trả lời "Ơi chị đây. Để chị nhắn hỏi bên Công ty nhá". Sau đó chị H4 nhắn nhiều tin nhắn cho H nhưng H không trả lời.

Đến ngày 19/7/2024 H nhắn tin cho chị H4 với nội dung "Chị đang nói chuyện rồi em ạ. Chị đang xin ngày cụ thể, còn xử lý được thì hoãn lại cho lao động. Khổ bé nhà chị ốm đi viện, nó khóc chị có cầm được điện thoại đâu; Cứ yên tâm; Chị không phải không xử lý đâu". Đến ngày 21/7/2024 chị H4 tiếp tục nhắn tin cho H với nội dung "Chị ơi, là sao nữa vậy, sao nhà em cọc đủ nay lại bắt cọc thêm vậy?" "Trước kêu cọc đơn có 500 Đô cọc xong rồi giờ muốn xuất vé máy bay thì kêu tháng 8 không có vé xong đòi cọc thêm lên 1000 đô mới xuất vé?" tuy nhiên H không trả lời tin nhắn. Đến ngày 23/7/2024 chị H4 tiếp tục nhắn tin cho H "Chị ơi chị trả lời tin nhắn em đi; Từ 19 giờ đến giờ chị không nghe điện thoại lẫn trả lời tin nhắn em luân". H cũng không trả lời tin nhắn của chị H4.

Về phần T, ngày 17/4/2024, T tiếp tục nhắn tin cho chị H1 nói dối là đơn hàng chị H1 chọn phải học tiếng, nếu không ra Hà Nội học được thì chuyển khoản cho T 2.500.000đ để T làm chứng chỉ tiếng (thực chất T không làm chứng chỉ tiếng cho chị H1). Chị H1 đồng ý và nhờ chị gái là Nguyễn Thị H5, sinh năm 1995, trú tại thôn H2, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang chuyển khoản hộ từ tài khoản 0109407249 mở tại Ngân hàng Đông Á số tiền 2.500.000 đồng đến tài khoản của T là 25610001995370 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV (Tài khoản do T cung cấp).

Đến ngày 18/4/2024, T nhắn tin cho chị H1 qua ứng dụng Zalo và yêu cầu chị H1 chuyển khoản cho T số tiền 12.500.000đ với lý do làm Visa (mục đích để tiếp tục chiếm đoạt tiền của H1). H1 đồng ý và tiếp tục nhờ chị gái là Nguyễn Thị H5 chuyển12.500.000đ từ số tài khoản 0109407249 mở tại Ngân hàng Đông Á đến số tài khoản25610001995370 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam của T. T nhận đủ số tiền này. Đến ngày 20/04/2024, T lại tiếp tục yêu cầu chị H1 chuyển thêm số tiền 12.500.000đ để làm Visa, chị H1 đồng ý và lại nhờ chị gái là Nguyễn Thị H chuyển khoản tiếp đủ 12.500.000đ đến số tài khoản 25610001995370 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam của T. Sau khi nhận được số tiền trên của chị H1, chị H1 có hỏi T khi nào có Visa thì T nói khi nào có sẽ thông báo.

Đến ngày 27/4/2024, T nhắn tin cho chị H1 tiếp tục yêu cầu chị H1 chuyển khoản 5.000.000đ là tiền thứ tự sắp số Visa, chị H1 đồng ý và nhờ chị Nguyễn Thị Q,sinh năm 1981, trú tại thôn H2, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giangchuyển khoản hộ số tiền này từ số tài khoản 4310213872 mở tại Ngân hàng BIDV- Chủ tài khoản mang tên NGUYEN THI Q đến số tài khoản của T. Đến ngày 28/04/2024, T tiếp tục nhắn tin cho chị H1 và nói về việc tiền thứ tự sắp số Visa không phải là 5.000.000đ mà là 500$*(Năm trăm đô la Mỹ)* tương đương 12.700.000đ. Chị H1 đồng ý và chuyển khoản thêm 7.700.000đ từ số tài khoản 0731000716298 mở tại Ngân hàng Vietcombank - Chủ tài khoản mang tên là NGUYEN THI H1 đến số tài khoản 25610001995370 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam của T. Đến ngày 30/6/2024, T tiếp tục nhắn tin cho chị H1 yêu cầu chị H1 nộp thêm số tiền 20.000.000đ với lý do để được sắp xếp bay trước. Chị H1 đồng ý và nhờ chị Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1980, trú tại thôn H2, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang chuyển số tiền này từ số tài khoản 0988099365 mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội MB- Chủ tài khoản NGUYEN THỊ Q1 đến số tài khoản 25610001995370 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam của T.

Đến ngày 05/7/2024, T nhắn tin qua ứng dụng Zalo cho chị H1 với nội dung yêu cầu chị H1 đóng đủ 70% chi phí đi xuất khẩu lao động. Chị H1 có hỏi T là còn thiếu bao nhiêu tiền nữa thì đủ 70% chi phí. T bảo H1 còn thiếu 34.000.000đ nữa thì đủ 70% và yêu cầu chị H1 nộp tiền cho T. Đến buổi tối cùng ngày, chị H1 nhờ chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1999, trú tại thôn H2, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang chuyển khoản cho T số tiền 34.000.000đ từ số tài khoản 19038064197019 mở tại Ngân hàng Techcombank - Chủ tài khoản mang tên NGUYEN THI NH đến số tài khoản 25610001995370 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam của T. Sau khi nhận được tiền, T hẹn chị H1 ngày hôm sau (tức ngày 06/7/2024) ra thành phố Hà Nội để ký Visa, chị H1 đồng ý. Đến 13 giờ 30 phút, ngày 06/7/2024, T gặp chị H1 ở thành phố Hà Nội, T đưa cho chị H1 ký 01 bản hợp đồng; 01 Bản cam kết về tiền lương và các chi phí của lao động nước ngoài sang Đài Loan làm việc (Do T tải từ trên mạng về). Sau khi ký xong, T nói với H1*: "Ra văn phòng Đài Bắc số 1, Phạm Văn B sẽ có người gọi hướng dẫn đi ký Visa"*. T gọi xe taxi để chị H1 đi còn T thì vẫn ở lại vị trí cũ không đi theo chị H1. Sau khi chị H1 ra đến nơi, chị H1 nhắn tin cho T và hỏi: *"Thế ai gọi cho em"*, T nói: *"Đợi một chút, sẽ có người gọi"*. Khoảng 05 phút sau, T đăng nhập vào tài khoản LINE dưới tên "A Lưu" (tài khoản trước đó T đã tự tạo ra và nhắn tin cho chị H1) để nhắn tin cho H1 với nội dung: *"Đợi chút anh hướng dẫn em lên ký Visa nhé"*. Đến khoảng hơn 16 giờ 00 cùng ngày, T tiếp tục dùng tài khoản "A Lưu" nhắn tin lại cho chị H1: *"Hồ sơ của em có thể làm Visa điện tử được nên không cần phải ký, thế nên em về đi"*, T nói như vậy để trốn tránh việc gặp chị H1. Sau đó, chị H1 có gọi điện qua Zalo cho T nói: "*Tại sao em lại visa điện tử là như nào?"*, T nói: "Có hai loại visa, không sao cả", chị H1 nói: *"Thế em về đúng không?"*, T nói: *"Ừ, em về đi"*. Sau đó, T có yêu cầu chị H1 chuyển thêm số tiền 22.600.000đ thì mới hoàn tất được thủ tục hồ sơ. Riêng 600.000đ Công ty hỗ trợ tiền xe đi lại, chị H1 đồng ý nhưng do tài khoản không đủ tiền nên chị H1 có nói với T về việc việc 1- 2 hôm nữa sẽ chuyển tiền, T đồng ý.

Đến ngày 07/7/2024, T nhắn tin qua ứng dụng Zalo thông báo cho chị H1 ngày 18/7/2024 đến Công ty để chờ chuyến bay vào lúc 14 giờ 40 phút ngày 19/7/2024, chị H1 sẽ được đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Chị H1 nhắn với T, ngày 19/7/2024, chị H1 và người nhà sẽ ra thẳng sân bay. T đồng ý. Sau đó, T có lên mạng tải hình ảnh vé máy bay điện tử về và sửa tên, sửa ngày bay. Sau khi sửa xong, T gửi hình ảnh vé máy bay cho chị H1 xem để tạo lòng tin. Tuy nhiên, vé máy bay điện tử chỉnh sửa bị lỗi ngày đặt vé và ngày bay trùng ngày nên chị H1 phát hiện và thắc mắc. T giải thích với chị H1 là do vé máy bay điện tử nên in ra bị lỗi. Sau đó chị H1 không có thắc mắc gì.

Vào các ngày 08 và 09/7/2024, chị H1 sử dụng số tài khoản 0731000716298 mở tại Ngân hàng Vietcombank- Chủ tài khoản mang tên NGUYEN THI H1 chuyển khoản 03 lần, trong đó hai lần 10.000.000đ và một lần 2.000.000đ đến số tài khoản 25610001995370 mở tại Ngân hàng BIDV, mang tên "VU TRONG T", tổng là 22.000.000đ cho T để hoàn tất thủ tục hồ sơ như T đã nói với chị H1 trước đó còn 600.000đ T nói với chị H1 là số tiền Công ty hỗ trợ tiền xe đi lại.

Đến ngày 13/7/2024, T tiếp tục yêu cầu chị H1 chuyển khoản nốt cho T số tiền 18.200.000đ là đủ tiền phí đi xuất khẩu lao động. Chị H1 đồng ý và sử dụng số tài khoản của chị H1 chuyển khoản đến số tài khoản của T đủ số tiền này (chị H1

chuyển 02 lần, lần 1 là 8.200.000đ; lần 2 là 10.000.000đ). Đến lúc này, chị H1 đã thanh toán đủ cho T số tiền như thoả thuận theo từng giai đoạn với tổng số tiền 161.897.500đ.

Đến ngày 15/7/2024, do T đã tiêu hết số tiền mà chị H1 chuyển nên T tiếp tục muốn chiếm đoạt thêm tài sản của chị H1. T nhắn tin với chị H1: *"Do phía Đài Loan yêu cầu nên em phải đóng thêm tiền để làm thẻ cư trú"*, H1 hỏi lại: *"Tại sao phải nộp trước"*, T nói: *"Đấy là do quy định bên đầu Đài Loan"*. Sau đó, T yêu cầu chị H1 chuyển khoản 10.000.000đ là tiền làm thẻ cư trú tại Đài Loan. Chị H1 đồng ý và tiếp tục sử dụng số tài khoản của chị H1 chuyển khoản đến số tài khoản của T số tiền 10.000.000đ.

Đến ngày 18/7/2024, T tiếp tục nói với chị H1 chuyển khoản 500$ tương đương 12.637.000đ tiền cọc lao động không hủy đơn, khi chị H1 sang đến Đài Loan phía Công ty có trách nhiệm hoàn trả luôn số tiền này. Chị H1 nghe nói vậy thì đồng ý và tiếp tục sử dụng số tài khoản của chị H1 chuyển khoản đến số tài khoản của T. Đến buổi tối cùng ngày, T tiếp tục muốn chiếm đoạt thêm tiền của chị H1 nên nói với chị H1 về việc tiền cọc lao động không hủy đơn là 20.000.000đ và yêu cầu chị H1 chuyển khoản cho T thêm 7.400.000đ. Tuy nhiên, do chị H1 không đủ tiền trong tài khoản nên chị H1 chuyển trước cho T số tiền 5.000.000đ cộng vào tiền cọc lao động không hủy đơn, số tiền còn lại chị H1 sẽ chuyển sau.

Đến khoảng 10 giờ 00 ngày 19/7/2024, chị H1 có nhắn tin hỏi T qua Zalo: *"Lịch bay vẫn thế phải không anh?"*, thì T có bảo lại với chị H1 nội dung là do tình hình thời tiết tại Đài Loan có bão nên hoãn chuyến bay đến 18 giờ 30 phút cùng ngày. Sau đó, đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T nhắn tin cho chị H1 qua ứng dụng Zalo nội dung: *"Em ơi, có khả năng là hoãn bay tới thứ 2 mới bay được em ạ"*. Chị H1 nhắn tin lại: *"ĐM anh đùa em à?"*. Sau đó, T không nhắn tin trả lời gì chị H1 nữa. Chị H1 gọi điện thoại cho T liên tục nhưng T không nghe máy. Đến khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 19/7/2024, T gọi điện thoại qua ứng dụng Zalo cho em họ của chị H1 là chị Nguyễn Minh H4. T nói về việc xem H1 có muốn đợi bay hay là hủy đơn hàng thì chị H4 bảo T là *"Nếu đợi thì đến bao giờ?"*. T nói *"Thế thì để sáng mai anh thông báo lịch cụ thể cho em"*. Đến buổi trưa ngày 20/7/2024, T gọi điện thoại qua ứng dụng Zalo cho chị H4 và thông báo cho chị H4 biết lịch bay của chị H1 vào 14 giờ 40 phút, ngày 29/7/2024. Chị H4 nói lại với T: "*Lần này anh chắc chắn không?"*. T nói: *"Chắc chắn, thế em thông báo cho H1 hộ anh nhé!"*. Chị H4 nói: *"Vâng"*. Đến buổi sáng ngày 21/7/2024, chị H1 nhắn tin cho T qua ứng dụng Zalo hỏi T: *"Thế lịch trình cụ thể của em như thế nào?"*. T nhắn lại: *"Anh thông báo với H4 rồi đấy, H4 không bảo em à?"*. Chị H1 nhắn *"Em nộp tiền cho anh thì anh phải có trách nhiệm thông báo với em chứ"*. T nhắn lại: *"Lịch của em bay vào 14 giờ 40 ngày 29/7/2024"*. Chị H1 nhắn: *"Chắc chắn chưa? không mệt lắm"*. T nhắn lại*: "Chắc chắn, em yên tâm"*. Sau đó T có bảo chị H1 nộp nốt số tiền 2.400.000đ. Chị H1 đồng ý và đã chuyển số tiền này từ số tài khoản của chị H1 vào số tài khoản 25610001995370 mở tại Ngân hàng BIDV, mang tên "VU TRONG T" của T. Đến ngày 28/7/2024, chị H1 nhắn tin cho T qua ứng dụng Zalo với nội dung: *"Lịch trình của em vẫn vậy phải không anh?"*. T nhắn lại: *"Tý nữa anh báo lại em nhé"*. Khoảng 01 tiếng đồng hồ sau, không thấy T nhắn tin thì chị H1 nhắn tin cho T qua ứng dụng Zalo với nội dung: *"Sao lâu thế không trả lời em?"*. T nhắn lại: *"Nếu giờ không bay được em đợi tiếp hay hủy đơn hàng?"*. Chị

H1 nhắn: *"Anh đùa em à?"*. T nhắn*: "Bây giờ bên kia hủy, anh biết phải làm thế nào?"*. Chị H1 nhắn: *"Nếu hủy em có bị mất tiền không?"*. T nhắn: *"Lỗi do bên anh thì không mất"*. Chị H1 nhắn: *"Hủy thì bao giờ lấy lại tiền và giấy tờ"*. T nhắn: *"Thế đến thứ 2, anh báo em lịch rút tiền và giấy tờ cụ thể nhé"*. Chị H1 nhắn: *"Không"*, T nhắn: *"Bây giờ tối, không phải em muốn rút luôn là được luôn đâu"*. Chị H1 nhắn: *"Thế ngày mai báo em nhé"*. Sau đó T không nói chuyện với chị H1 nữa. Đến trưa ngày 29/7/2024 T gọi điện cho chị H1 qua ứng dụng Zalo nói với H1: "*Em rút bị trừ ba triệu tiền làm hồ sơ, số tiền còn lại và giấy tờ thì đến thứ 7 em nhận lại nhé"*. Chị H1 nói: *"Em nhận bằng hình thức nào?"*, T nói *"Em chuyển khoản cho anh thì anh chuyển khoản lại cho em, còn giấy tờ thì em gửi địa chỉ anh gửi chuyển phát nhanh về cho"*, chị H1 gửi địa chỉ của mình qua tin nhắn Zalo cho T. Sau đó T không nhắn tin hay gọi điện cho chị H1 nữa. Tổng số tiền Vũ Trọng T cùng vợ là Mạc Hồng H chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H1 là 191.934.500đ, vợ chồng T đã chi tiêu hết.

Cơ quan CSĐT Công an huyện TB đã thu giữ 02 chiếc điện thoại của Vũ Trọng T và Mạc Hồng H và tiến hành kiểm tra, xác định trong điện thoại của T còn lưu các nội dung tin nhắn trao đổi giữa T và H, giữa T và chị H1 như đã nêu trên. Kiểm tra điện thoại của Mạc Hồng H thu giữ các tin nhắn trao đổi giữa chị Nguyễn Minh H4 (là chị họ của chị H1) và Mạc Hồng H về việc chị H4 hỏi lý do tại sao phải nộp thêm các khoản tiền và nội dung các tin nhắn H trả lời chị H4 như đã nêu trên.

Ngoài hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Phùng Thị L và chị Nguyễn Thị H1 như nêu trên, Vũ Trọng T còn khai nhận đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại địa bàn quận NTL, thành phố Hà Nội; địa bàn huyện ĐH và thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu. Cơ quan CSĐT Công an huyện TB đã trao đổi đến Cơ quan CSĐT Công an quận NTL, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an huyện ĐH và Cơ quan CSĐT Công an thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu để đề nghị xác minh, điều tra theo thẩm quyền.

Về dân sự: Trước khi bị chị Phùng Thị L tố cáo hành vi lừa đảo, Vũ Trọng T đã chuyển khoản trả lại cho chị L tổng số tiền 15.000.000đ. Trong giai đoạn điều tra, Mạc Hồng H đã giao nộp cho cơ quan điều tra tổng số tiền 205.284.500đ để bồi thường cho chị Phùng Thị L và chị Nguyễn Thị H1. Cơ quan CSĐT Công an huyện TB đã trả lại cho chị Phùng Thị L số tiền 13.350.000đ, trả lại cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền 191.934.500đ. Chị L và chị H1 đã được bồi thường xong, không có đề nghị gì khác.

Về vật chứng đã thu giữ:

- Đối với 01 phiếu lý lịch tư pháp số 2, số 7549/SIP- HCTP do sở tư pháp tỉnh Bắc Giang cấp ngày 22/04/2024 mang tên Nguyễn Thị H1, sinh ngày 09/07/1998, trú tại xã T1, huyện G, tỉnh Bắc Giang; 01 hộ chiếu số P03564170, mang tên Nguyễn Thị H1, sinh ngày 09/07/1998 do cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an cấp ngày 03/05/2024. Quá trình điều tra xác định đây là những giấy tờ mà chị Nguyễn Thị H1 đã nộp cho Vũ Trọng T để làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, Cơ Quan CSĐT Công an huyện TB đã trả lại cho chị H1.

- Đối với: 01 phiếu thu đề ngày 21/07/2024, trên phiếu thu thể hiện người nộp tiền: Nguyễn Thị H1; Địa chỉ: C, N, Bắc Giang; Lý do nộp: Cọc đơn Hng; Số tiền 1.000 USD; 01 phiếu thu đề ngày 21/07/2024, trên phiếu thu thể hiện người

nộp tiền: Nguyễn Thị H1; Địa chỉ: C, N, Bắc Giang; Lý do nộp: Nộp phí đơn Hng; Số tiền 6.000 USD; 01 bản phô tô Căn cước công dân số 030300001478, mang tên MẠC HỒNG H; 01 bản sao kê tài khoản, số tài khoản 0731000716298, chủ tài khoản NGUYEN THỊ HANH, Ngân hàng Vietcombank, từ ngày 28/06/2024 đến ngày 28/07/2024; 01 hình ảnh chụp màn hình chi tiết giao dịch, mã giao dịch FT24182033036321 ngày 30/06/2024; 01 hình ảnh chụp màn hình điện thoại chi tiết giao dịch chuyển khoản Ngân hàng, mã giao dịch FT24187980836186 ngày 05/07/2024; 01 sao kê chi tiết phát sinh số tài khoản 0109407249 – Chủ tài khoản NGUYEN THI HA của Ngân hàng Đông Á, chi nhánh Bắc Giang từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/05/2024; 07 hình ảnh chụp màn hình điện thoại thể hiện các giao dịch chuyển khoản Ngân hàng; 02 chi tiết giao dịch của số tài khoản Ngân hàng 4310213872, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV, chi nhánh N, Bắc Giang ngày 11/04/2024 và ngày 27/06/2024; 02 hình ảnh chụp Giao dịch thành công; 03 bản cam kết về tiền lương và các chi phí của lao động nước ngoài sang Đài Loan làm việc, mỗi bản gồm 06 tờ giấy được đánh số thứ tự từ 01 đến 06. Trên mỗi bản cam kết đều có tên Nguyễn Thị H1 và có dấu vân tay điểm chỉ bằng mực màu đỏ. Mỗi bản cam kết đều có chữ viết Tiếng Việt và chữ viết tiếng nước ngoài; 01 sơ yếu lý lịch lao động đi làm việc ở nước ngoài màn tên Nguyễn Thị H1, sinh ngày 09/07/1998, nơi ở tại thôn Th, xã T1, huyện G, tỉnh Bắc Giang, có xác nhận của UBND xã T1, huyện G, tỉnh Bắc Giang; 01 đơn tự nguyện đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài mang tên Nguyễn Thị H1, sinh ngày 09/07/1998, thường trú tại thôn Th, xã T1, huyện G, tỉnh Bắc Giang. Trên đơn có chữ ký và họ tên của Nguyễn Thị H1 và có xác nhận của UBND xã T1, huyện G, tỉnh Bắc Giang; 01 đơn cam kết bảo lãnh của gia Đ1 về việc bảo lãnh cho thân nhân đi lao động có thời hạn tại Đài Loan, người bảo lãnh là Nguyễn Văn T, sinh năm 1973, thường trú tại HM, C, N, Bắc Giang. Đơn gồm 02 tờ giấy được đánh số 05 và 06. Trên đơn có xác nhận của UBND xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang; 01 bản cam kết của người lao động mang tên Nguyễn Thị H1, sinh ngày 09/07/1998, thường trú tại thôn Th, xã T1, huyện G, tỉnh Bắc Giang. Bản cam kết được đánh số 07 và 08, gồm 02 tờ giấy, trên bản cam kết có xác nhận của UBND xã T1, huyện G, tỉnh Bắc Giang; 01 hợp đồng đưa người lao động đi làm việc có thời gian tại Đài Loan giữa công ty cổ phần quốc tế LH và Nguyễn Thị H1, sinh năm 1998, trú tại thôn Th, xã T1, huyện G, tỉnh Bắc Giang. Hợp đồng gồm 05 tờ giấy được đánh số từ 01 đến 05. Trên hợp đồng có chữ ký của Nguyễn Thị H1 và có dấu vân tay điểm chỉ bằng mực màu đỏ; 01 phôi hợp đồng đưa người lao động đi làm việc có thời hạn tại Đài Loan của Công ty cổ phần quốc tế LH, đại diện là bà Nguyễn Thị Minh V- Giám đốc. Hợp đồng chưa điền các thông tin còn thiếu. Hợp đồng gồm 05 tờ giấy được đánh số từ 01 đến 05.

Quá trình điều tra xác định đây là những tài liệu chứng minh hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Trọng T, vì vậy được lưu trong hồ sơ vụ án.

- Số vật chứng còn lại Cơ quan CSĐT Công an huyện TB, tỉnh Phú Thọ đề nghị chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện TB gồm:

+ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 13, màu xanh, dung lượng 128 GB, số IMEI: 351467537770667; IMEI2: 351467538514593, gắn sim số thuê bao: 0339.892.xxx, điện thoại được cài đặt mật khẩu mở khóa màn hình: 080600. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng; 01 chiếc bút bi nhãn hiệu Matixs Fo-024, mực

màu đen, vỏ bút màu đen-bạc; 01 quyển phiếu thu có bìa màu đỏ, mặt lưng của phiếu thu có dán tem, trên tem có dòng chữ "NHA SACH TRI TUE" và dòng chữ "Phiếu thu A5, 2 liên"; 01 hộp mực dấu có kích thước (6,9 x 1,6 x 5,4)cm vỏ màu trắng- ghi. Những đồ vật, tài liệu trên do Vũ Trọng T giao nộp trong quá trình điều tra, xác định T sử dụng làm công cụ, P tiện phạm tội.

+ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 13 Pro, màu vàng goid, dung lượng 128 GB, số IMEI: 350283162490021; IMEI2: 350283162362642, gắn sim số thuê bao: 0393.231.xxx, điện thoại được cài đặt mật khẩu mở khóa màn hình: 240815 do Mạc Hồng H giao nộp; tình trạng điện thoại đã qua sử dụng. Quá trình điều tra, xác định Mạc Hồng H đã sử dụng chiếc điện thoại này làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Sau khi Cơ quan điều tra ban hành Kết luận điều tra đề nghị truy tố và chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, ngày 28/11/2024, Mạc Hồng H đã bỏ trốn khỏi địa phương. Viện kiểm sát nhân dân huyện TB đã yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã, đồng thời ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can Mạc Hồng H.

Tại Bản cáo trạng số: 52/CT- VKSTB ngày 11/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh Phú Thọ đã truy tố Vũ Trọng T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Trọng T khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như Cáo trạng truy tố.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB giữ nguyên quyết định truy đối với Vũ Trọng T và đề nghị Hội đồng xét xử:

a) Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị HĐXX Tuyên bố bị cáo Vũ Trọng T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

***** Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52, điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Vũ Trọng T mức án từ ***08 năm đến 08 năm 06 tháng tù*** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 31/7/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

b) Xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

- *Tịch thu tiêu hủy*: 01 thẻ sim số thuê bao: 0339.892.xxx; 01 chiếc bút bi nhãn hiệu Matixs Fo-024, mực màu đen, vỏ bút màu đen-bạc; 01 quyển phiếu thu có bìa màu đỏ, mặt lưng của phiếu thu có dán tem, trên tem có dòng chữ "NHA SACH TRI TUE" và dòng chữ "Phiếu thu A5, 2 liên"; 01 hộp mực dấu có kích thước (6,9 x 1,6 x 5,4)cm (Hộp mực có vỏ màu trắng-ghi); 01 thẻ sim số thuê bao 0393.231.xxx.

- *Tịch thu bán sung công quỹ nhà nước:* **01** chiếc điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 13, màu xanh, dung lượng 128 GB, số IMEI: 351467537770667; IMEI2: 351467538514593; **01** chiếc điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 13 Pro, màu vàng goid, dung lượng 128 GB, số IMEI: 350283162490021; IMEI2: 350283162362642.

- Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị H1 : 01 phiếu lý lịch tư pháp số 2, số 7549/SIP-HCTP do sở tư pháp tỉnh Bắc Giang cấp ngày 22/04/2024 mang tên Nguyễn Thị H1, sinh ngày 09/07/1998, trú tại xã T1, huyện G, tỉnh Bắc Giang; 01 hộ chiếu số P03564170, mang tên Nguyễn Thị H1, sinh ngày 09/07/1998 do cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an cấp ngày 03/05/2024.

c) Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo Vũ Trọng T và gia đình đã bồi thường xong cho các bị hại.

d) Về đề xuất, kiến nghị: Không.

Về án phí: Áp dụng khoản 1,2 điều 135 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST theo qui định./.

* Bị cáo Vũ Trọng T không tranh luận, không bào chữa.

* Bị cáo Vũ Trọng T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong vụ án này, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên toà Vũ Trọng T khai nhận: Bị cáo và vợ là Mạc Hồng H đều không làm cho công ty môi giới đưa người đi xuất khẩu lao động, cũng không trực tiếp mở công ty liên quan đến hoạt động xuất khẩu lao động. Vì không có việc làm, không có thu nhập, để có tiền chi tiêu cá nhân, từ tháng 01/2024 đến tháng 7/2024, qua mạng xã hội Facebook, Zalo, T đã giả làm người môi giới xuất khẩu lao động, đưa ra những thông tin gian dối để lừa những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động, làm họ tin là thật, nhiều lần chuyển khoản nộp tiền đặt cọc, tiền chi phí đi xuất khẩu lao động cho T. Trong đó, lần nhiều nhất T nhận số tiền là 34.0000.000đ, lần ít nhất là 2.500.000đ. Sau khi nhận tiền, Vũ Trọng T không thực hiện bất cứ công việc gì như đã hứa hẹn mà tiêu xài hết. Với thủ đoạn như trên, T đã chiếm đoạt của chị Phùng Thị L, sinh năm 1987, trú tại khu 6, xã Đ, huyện TB, tỉnh Phú Thọ tổng số tiền là 28.350.000đ; chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1998, trú tại thôn Th, xã T1, huyện G, tỉnh Bắc Giang; nơi ở hiện tại thôn H2, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang tổng số tiền là 191.934.500đ. Tổng số tiền T chiếm đoạt của chị L và chị H1 là 220.284.500đ (Hai trăm hai mươi triệu hai trăm tám mươi tư nghìn năm trăm đồng). Việc chiếm đoạt tiền của chị L, T thực hiện một mình; việc chiếm đoạt tiền của chị H1 có sự giúp sức của Mạc Hồng H, sinh năm 2000, trú tại xóm Đ1, xã M, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh là vợ của T.

(Trong giai đoạn truy tố, Mạc Hồng H đã bỏ trốn khỏi địa phương, Viện kiểm sát nhân dân huyện TB đã đề nghị truy nã và tạm đình chỉ vụ án đối với bị can Mạc Hồng H).

[3]. Hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác như đã nêu trên của Vũ Trọng T đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

……

2.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

.....".

[4]. Vũ Trọng T đã phạm tội rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo nhiều lần, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Phạm tội 02 lần trở lên", quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" (đã được xoá án tích). Do vậy cần có hình phạt nghiêm khắc đối với Vũ Trọng T.

[5]. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, Vũ Trọng T thành khẩn khai báo. Bản thân bị cáo đã bồi thường cho chị Phùng Thị L 15.000.000đ và tác động để vợ bị cáo là Mạc Hồng H bồi thường xong cho các bị hại. Vì vậy bị cáo được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù là phù hợp, cần chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Xét Vũ Trọng T không có tài sản riêng, không làm nghề gì đặc biệt, nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Ngoài hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị xét xử trong vụ án này, Vũ Trọng T còn thực hiện hành vi lừa đảo bằng thủ đoạn tương tự với nhiều người khác ở thành phố Hà Nội và tỉnh Bạc Liêu, Cơ quan điều tra tại các địa phương đó đang tiến hành xác minh, điều tra theo quy định.

[8]. Đối với Mạc Hồng H là vợ của Vũ Trọng T, có hành vi đồng phạm với T: Do Mạc Hồng H đã bỏ trốn trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát nhân dân huyện TB đã đề nghị truy nã và tạm đình chỉ vụ án đối với bị can H, vì vậy không truy tố, xét xử trong vụ án này, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[9]. Về xử lý vật chứng:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 13 đã tạm giữ của Vũ Trọng T và 01 chiếc điện thoại di động Apple Iphone 13 Pro đã tạm giữ của Mạc Hồng H là công cụ, phương tiện phạm tội, cần tịch thu, bán nộp ngân sách nhà

nước; 02 sim số thuê bao lắp trong 02 chiếc điện thoại nói trên không còn giá trị sử dụng, sẽ tịch thu tiêu huỷ.

- 01 chiếc bút bi, 01 quyển phiếu thu, 01 hộp mực dấu do Vũ Trọng T giao nộp là công cụ, phương tiện phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng, sẽ tịch thu tiêu huỷ.

- Trong giai đoạn điều tra, Cơ Quan CSĐT Công an huyện TB đã trả lại cho chị Nguyễn Thị H1 01 phiếu lý lịch tư pháp, 01 hộ chiếu là những giấy tờ mà chị H1 đã nộp cho Vũ Trọng T, cần xác nhận.

- Các giấy tờ, tài liệu khác đã thu giữ của Vũ Trọng T và Mạc Hồng H trong quá trình điều tra, chứng minh hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H và T được đánh số bút lục, lưu trong hồ sơ vụ án nên không phải xử lý.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Vũ Trọng T và gia đình đã bồi thường xong cho các bị hại tổng số tiền là 220.284.500 đồng (Hai trăm hai mươi triệu hai trăm tám mươi tư nghìn năm trăm đồng); các bị hại đã nhận tiền bồi thường, không có yêu cầu gì khác, cần xác nhận.

[11]. Về án phí: Bị cáo Vũ Trọng T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt, dân sự, xử lý vật chứng, án phí phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố: Bị cáo Vũ Trọng T phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt Vũ Trọng T 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (31/7/2024).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Vũ Trọng T.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu bán nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 13, màu xanh, dung lượng 128 GB; số IMEI: 351467537770667; IMEI2: 351467538514593; điện thoại được cài đặt mật khẩu mở khóa màn hình: 080600; tình trạng điện thoại đã qua sử dụng của Vũ Trọng T.

+ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 13 Pro, màu vàng goid, dung lượng 128 GB; số IMEI: 350283162490021; IMEI2: 350283162362642; điện thoại được cài đặt mật khẩu mở khóa màn hình: 240815; tình trạng điện thoại đã qua sử dụng của Mạc Hồng H.

- Tịch thu tiêu huỷ:

+ 01 sim số thuê bao: 0339.892.xxx (lắp trong chiếc điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 13, màu xanh của Vũ Trọng T); 01 sim số thuê bao: 0393.231.xxx (lắp trong chiếc điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 13 Pro, màu vàng goid của Mạc Hồng H).

+ 01 chiếc bút bi nhãn hiệu Matixs Fo- 024, mực màu đen, vỏ bút màu đen-bạc; 01 quyển phiếu thu có bìa màu đỏ, mặt lưng của phiếu thu có dán tem, trên tem có dòng chữ "NHA SACH TRI TUE" và dòng chữ "Phiếu thu A5, 2 liên"; 01 hộp mực dấu có kích thước (6,9 x 1,6 x 5,4)cm vỏ màu trắng- ghi thu giữ của Vũ Trọng T.

(Các vật chứng nêu trên đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB quản lý).

- Xác nhận: Cơ Quan CSĐT Công an huyện TB đã trả lại cho chị Nguyễn Thị H1: 01 phiếu lý lịch tư pháp số 2, số 7549/SIP- HCTP do Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang cấp ngày 22/04/2024 mang tên Nguyễn Thị H1, sinh ngày 09/07/1998, trú tại xã T1, huyện G, tỉnh Bắc Giang; 01 hộ chiếu số P03564170, mang tên Nguyễn Thị H1, sinh ngày 09/07/1998 do cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an cấp ngày 03/05/2024.

3. Về dân sự: Xác nhận bị cáo Vũ Trọng T và gia đình đã bồi thường xong cho các bị hại, cụ thể: Bồi thường cho chị Phùng Thị L 28.350.000 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng); bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 191.934.500 đồng (Một trăm chín mươi mốt triệu chín trăm ba mươi tư nghìn năm trăm đồng).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Vũ Trọng T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Trọng T có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKS huyện, tỉnh;
- Công an huyện TB;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND xã M**;**
- Chi cục THADS huyện TB;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ**;**
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Minh Hòa